

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2022/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống, bà Nguyễn Thị Bận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H' Mi Chan Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2022/TLST-DS ngày 09/6/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2022/QĐXXST-DS ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số nhà A, đường N, phường V, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Thu H (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà B, đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà C đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/10/2019, Ông Phạm Thanh T ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng cùng với bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của Ông Phạm Thanh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông Phạm Thanh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 44.947.759 đồng. Qua nhiều lần làm việc, Ông Phạm Thanh T vẫn không có thiện chí trả nợ và vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông Phạm Thanh T phải trả số tiền 68.872.855 đồng, trong đó dư nợ quá hạn 44.947.759 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 23.925.096 đồng, Ông Phạm Thanh T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Phạm Thanh T phải trả cho nguyên đơn số tiền 68.872.855 đồng, trong đó dư nợ quá hạn 44.947.759 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2022 là 23.925.096 đồng, bị đơn tiếp tục phải chịu tiền lãi cho đến khi trả hết khoản vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Ông Phạm Thanh T, trú tại phường T, thành phố B trả số tiền 68.872.855 đồng theo hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự; bị đơn Ông Phạm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Kết luận giám định số 844/KL-KTHS ngày 31/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk (*chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thanh T trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thanh T trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra*), có đủ cơ sở để xác định: Ngày 14/10/2019, Ông Phạm Thanh T được Ngân hàng duyệt hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông Phạm Thanh T đã thực hiện giao dịch và khoản nợ tính đến ngày 30/9/2022 là 68.872.855 đồng, trong đó dư nợ chuyển quá hạn 44.947.759 đồng, lãi quá hạn là 23.925.096 đồng.

Bị đơn Ông Phạm Thanh T chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại mục 24 của bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Ông

Phạm Thanh T phải trả số tiền 68.872.855 đồng (tính đến ngày 30/9/2022) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng (kể từ ngày 01/10/2022) là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết và án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Ông Phạm Thanh T phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.100.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Bị đơn Ông Phạm Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: $(68.872.855 \text{ đồng} \times 5\%) = 3.443.642 \text{ đồng}$ (làm tròn 3.444.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 161, 162, 227, 228, 266, 267, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc Ông Phạm Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 68.872.855 đồng, trong đó: Dư nợ chuyên quá hạn là 44.947.759 đồng, lãi quá hạn là 23.925.096 đồng (tính đến ngày 30/9/2022).

Kể từ ngày 01/10/2022, Ông Phạm Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/10/2019 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Ông Phạm Thanh T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.100.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Bị đơn Ông Phạm Thanh T phải chịu 3.444.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.491.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0012968 ngày 25/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng